

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHIẾU SÁNG
VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính 2020**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Khái quát chung

Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị Đô thị được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0100106024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 31/05/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 26/09/2018.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Số 1, Phố Vũ Đức Thận, P.Việt Hưng, Q.Long Biên, TP.Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 510.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm trăm mười triệu đồng*).

Ban lãnh đạo

Các thành viên Ban lãnh đạo Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng và Thiết bị đô thị đã điều hành Công ty trong năm tài chính 2020 và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Nguyễn Quốc Khánh	Chủ tịch Hội đồng thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Quốc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thái Trần Đức	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Hùng	Kế toán trưởng

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Phụng	Kiểm soát viên chuyên trách
Bà Phạm Linh Chi	Kiểm soát viên không chuyên trách

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

Kết quả hoạt động

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

• Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	313.557.932.292 VND
• Tổng lợi nhuận sau thuế	6.921.399.690 VND

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Tuấn

Tổng Giám đốc

CÔNG TY TNHH MTV THÀNH VIÊN CHIẾU SÁNG VÀ THIẾT BỊ ĐÔ THỊ

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Số: 36/2021/AEA-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị đô thị

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị đô thị (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Chiêu sáng và Thiết bị Đô thị tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Văn Vụ

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0638-2018-043-1

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

A blue handwritten signature of Nguyễn Hữu Đông.

Nguyễn Hữu Đông

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN

kiểm toán số: 0140-2018-043-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		259.103.206.629	222.623.124.319
I/ Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	35.291.040.670	22.273.689.915
1. Tiền	111		24.648.215.876	21.868.903.066
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.642.824.794	404.786.849
II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.201.643.836	10.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	20.201.643.836	10.000.000.000
III/ Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.130.625.171	25.019.314.295
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	11.433.111.064	11.653.607.889
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.047.121.159	12.516.925.197
6. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.036.395.698	1.234.783.959
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(386.002.750)	(386.002.750)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV/ Hàng tồn kho	140		164.780.074.405	142.329.351.085
1. Hàng tồn kho	141	V.08	168.383.280.527	142.329.351.085
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.603.206.122)	-
V/ Tài sản ngắn hạn khác	150		23.699.822.547	23.000.769.024
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.115.305.230	2.797.865.532
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		20.336.765.695	20.202.903.492
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		2.247.751.622	-
B/ TÀI SẢN DÀI HẠN	200		281.272.310.414	289.281.203.919
I/ Các khoản phải thu dài hạn	210		16.689.296.308	17.325.296.308
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.04	24.721.295.243	25.430.050.295
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		612.725.000	912.725.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	16.076.571.308	16.412.571.308
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(24.721.295.243)	(25.430.050.295)
II/ Tài sản cố định	220		236.598.012.498	244.734.668.434
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	150.148.269.070	156.022.733.802
- Nguyên giá	222		266.383.525.564	259.371.190.836
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.235.256.494)	(103.348.457.034)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	86.449.743.428	88.711.934.632
- Nguyên giá	228		98.473.448.408	99.639.556.960
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.023.704.980)	(10.927.622.328)
III/ Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV/ Tài sản dở dang dài hạn	240		4.133.686.656	3.047.360.232
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.133.686.656	3.047.360.232
V/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	23.509.741.701	23.368.541.046
1. Đầu tư vào công ty con	251		21.938.500.000	21.938.500.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.252.044.618	3.183.064.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.680.802.917)	(1.753.022.954)
VI/ Tài sản dài hạn khác	260		341.573.251	805.337.899
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	341.573.251	805.337.899
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		540.375.517.043	511.904.328.238

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2020	01/01/2020
C/ NỢ PHẢI TRẢ	300		121.257.887.617	94.836.480.146
I/ Nợ ngắn hạn	310		116.276.707.576	91.975.548.330
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	24.176.236.977	22.695.614.358
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	44.197.246.952	19.683.298.137
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	308.032.610	(3.057.144.228)
4. Phải trả người lao động	314		11.873.523.200	8.013.495.270
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	1.764.514.000	684.407.183
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	2.126.255.710	1.748.872.976
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21	50.000.000	10.282.334.953
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	8.981.366.236	7.792.930.000
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		22.799.531.891	24.131.739.681
II/ Nợ dài hạn	330		4.981.180.041	2.860.931.816
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15	4.826.680.041	2.699.327.816
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		154.500.000	161.604.000
D/ VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		419.117.629.426	417.067.848.092
I/ Vốn chủ sở hữu	410	V.22	419.117.629.426	417.067.848.092
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		401.805.646.982	60.438.500.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	336.408.855.398
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.606.613.572	1.548.529.406
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.384.279.936	1.168.845.678
- LNST chưa phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.384.279.936	1.168.845.678
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		14.321.088.936	17.503.117.610
II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		540.375.517.043	511.904.328.238



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng
Trần Việt Hùng

Người lập biểu
Đặng Lan Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	313.557.932.292	285.195.303.606
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	48.649.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		313.557.932.292	285.146.654.606
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	274.653.667.401	247.161.989.626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		38.904.264.891	37.984.664.980
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	2.854.624.807	2.886.368.947
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	(17.302.909)	(59.854.018)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.642.180	70.781.236
8. Chi phí bán hàng	24	VI.08	3.654.160.849	3.313.219.076
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	30.103.992.349	29.054.530.992
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.018.039.409	8.563.137.877
11. Thu nhập khác	31	VI.06	975.567.111	4.148.653.181
12. Chi phí khác	32	VI.07	451.845.265	5.393.721.734
13. Lợi nhuận khác	40		523.721.846	(1.245.068.553)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.541.761.255	7.318.069.324
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	1.620.361.565	1.473.855.646
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.921.399.690	5.844.213.678



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng
Trần Việt Hùng

Người lập biểu
Đặng Lan Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và DT khác	01	536.071.841.042	445.069.099.587
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(402.724.065.075)	(199.936.188.669)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(57.153.581.421)	(52.451.169.318)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(77.489.663)	(39.933.753)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.000.000.000)	(1.479.515.112)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	14.214.058.834	105.152.047.935
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(51.063.725.669)	(304.825.870.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	38.267.038.048	(8.511.529.333)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.941.311.443)	(14.323.237.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	2.336.244.694
3. Tiền chi cho vay, mua các CC nợ của đơn vị khác	23	(50.000.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của ĐV khác	24	40.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.925.342.635	2.444.792.710
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.015.968.808)	(19.542.199.687)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	7.773.813.392	13.889.267.536
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.006.148.345)	(3.656.932.583)
5. Tiền trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.232.334.953)	10.232.334.953
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	13.018.734.287	(17.821.394.067)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.273.689.915	40.096.388.713
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.383.532)	(1.304.731)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	35.291.040.670	22.273.689.915



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Kế toán trưởng
Trần Việt Hùng

Người lập biểu
Đặng Lan Anh